

Bản án số: 38/2021/DS-ST

Ngày: 24-6-2021

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lâm Thị Tám;

Ông Lâm Kim Mến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2021/QĐST-DS ngày 02/6/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Quang S, sinh năm 1993.

Là người đại diện của Hộ kinh doanh T.

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Gia A, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: 1. Ông Dương Chí T, sinh năm 1980 (vắng mặt);

2. Bà Trần Bạch Y, sinh năm 1980 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2021 và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của nguyên đơn là bà Dương Gia A trình bày:

Vào ngày 01/06/2018, vợ chồng ông Dương Chí T và bà Trần Bạch Y cùng Hộ kinh doanh T có thỏa thuận mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản bằng lời nói nhằm mục đích để vợ chồng ông T và bà Y nuôi tôm. Đến ngày 09/01/2020, hai bên tiến hành ký hợp đồng mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản bằng văn bản.

Theo thỏa thuận ông S bán cho vợ chồng ông T và bà Y các sản phẩm như: Thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa, thuốc và hóa chất cho nuôi trồng thủy sản. Quá trình giao nhận hàng hóa thì hai bên sẽ ghi vào sổ theo dõi hàng hóa của mỗi bên. Cụ thể: Ông S giao hàng cho vợ chồng ông T và bà Y tại kho hàng của Hộ kinh doanh T theo đơn hàng hoặc hỗ trợ vận chuyển hàng hóa đến địa điểm của vợ chồng ông T và bà Y nếu có thỏa thuận. Khi nhận hàng thì bên vợ chồng ông T và bà Y phải kiểm tra hàng và ký xác nhận việc giao nhận hàng cho ông S. Kể từ thời gian hàng hóa đã bàn giao xong cho vợ chồng ông T và bà Y và hai bên đã ký xác nhận việc giao nhận hàng thì ông S không chịu trách nhiệm nữa.

Về phương thức thanh toán: Vợ chồng ông T và bà Y phải có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho ông S khi thu hoạch tôm, việc vợ chồng ông T và bà Y nuôi tôm bị thất thu (tôm chết trước thời hạn thu hoạch) không đương nhiên làm mất nghĩa vụ thanh toán. Trong trường hợp vợ chồng ông T và bà Y không thanh toán hết phần công nợ cho ông S vào cuối vụ tôm, ông S có quyền cắt hàng, đơn phương chấm dứt Hợp đồng và yêu cầu vợ chồng ông T và bà Y phải thanh toán toàn bộ tiền hàng còn thiếu đến thời điểm ngừng giao dịch.

Tuy nhiên, vợ chồng ông T và bà Y đã không thực hiện đúng theo thỏa thuận ban đầu là thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho ông S sau khi thu hoạch tôm. Căn cứ theo Bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 01/03/2020, vợ chồng ông T và bà Y xác nhận còn nợ ông S số tiền 40.144.000 đồng. Đến ngày 21/12/2020, vợ chồng ông T và bà Y trả 2.000.000 đồng và ngưng thanh toán cho đến nay.

Nay ông Trần Quang S là đại diện Hộ kinh doanh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T và bà Y trả cho ông Trần Quang S là đại diện Hộ kinh doanh T số tiền nợ gốc là 38.144.000 đồng và tiền lãi chậm trả 10%/năm từ ngày 01/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm và yêu cầu lãi chậm trả cho đến khi trả hoàn tất nợ. Ông S yêu cầu ông T và bà Y thanh toán số tiền trên cho ông S một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

- Đối với bị đơn bà Trần Bạch Y và ông Dương Chí T:

Toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Trần Bạch Y và ông Dương Chí T nhưng bà Y và ông T vắng mặt.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đại diện nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Còn đối với bị đơn bà Trần Bạch Y và ông Dương Chí T chưa chấp hành đúng quy định pháp luật do vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải.

Bị đơn bà Trần Bạch Y và ông Dương Chí T đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ 2 nhưng ông T và bà Y vắng mặt, bà Y có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Dương Chí T và bà Trần Bạch Y.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc các bị đơn ông Dương Chí T và bà Trần Bạch Y có nghĩa vụ trả cho ông Trần Quang S là đại diện Hộ kinh doanh T số tiền nợ gốc là 38.144.000 đồng và nợ lãi với lãi suất 10%/năm từ ngày 01/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm và tuyên trách nhiệm chịu án phí sơ thẩm và tiền lãi chậm thanh toán theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Dương Chí T và bà Trần Bạch Y đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông T và bà Y vắng mặt, bà Y có đơn yêu cầu vắng mặt, ông T vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Dương Chí T và bà Trần Bạch Y.

[2] Nội dung vụ án: Nguyên đơn ông Trần Quang S là đại diện Hộ kinh doanh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Dương Chí T và bà Trần Bạch Y trả số tiền nợ mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản cho ông S gốc là 38.144.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/3/2020 (là ngày đối chiếu công nợ) cho đến khi hoàn trả hết nợ với lãi suất 10%/năm. Bà Trần Bạch Y trình bày bà và ông T đồng ý trả số tiền nợ gốc nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng và không đồng ý trả tiền lãi vì bà cho rằng khi mua thức ăn nuôi tôm thì ông S đã tính tiền lời rồi và bà yêu cầu trừ tiền chiết khấu lại cho bà.

[3] Xét yêu cầu của ông Trần Quang S, yêu cầu ông Dương Chí T và bà Trần Bạch Y trả nợ gốc:

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 38.144.000 đồng. Bà Trần Bạch Y thừa nhận khi đối chiếu công nợ bà và ông T còn

nợ ông S số tiền 38.144.000 đồng như đại diện nguyên đơn trình bày. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự công nhận bà Trần Bạch Y còn nợ ông Trần Quang S là người đại diện Hộ kinh doanh T số tiền nợ gốc là 38.144.000 đồng là sự thật, đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh.

Việc thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về việc mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc cho nuôi thủy sản là tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được xác định đây là hợp đồng dân sự mà cụ thể là hợp đồng mua bán được điều chỉnh tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015 được pháp luật bảo vệ.

Ông Trần Quang S đã thực hiện nghĩa vụ bán và chuyển giao tài sản là thức ăn chăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho bên mua là ông Dương Chí T và bà Trần Bạch Y. Ông T và bà Y đã nhận đủ tài sản do ông S chuyển giao nêu trên để phục vụ việc nuôi tôm, phát triển kinh tế gia đình nhưng ông T và bà Y chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông S theo thỏa thuận và ông T và bà Y còn nợ của ông S số tiền là 38.144.000 đồng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự. Do đó, ông Trần Quang S yêu cầu ông T và bà Y trả số tiền nợ 38.144.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về yêu cầu trả lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi theo lãi suất 10%/năm đối với số tiền nợ gốc 38.144.000 đồng từ ngày 01/3/2020 (là ngày đối chiếu công nợ) cho đến ngày xét xử sơ thẩm và yêu cầu tính lãi chậm trả cho đến khi hoàn trả hết nợ. Bà Trần Bạch Y không đồng ý trả lãi vì bà cho rằng ông S đã tính tiền lời khi bán thức ăn nuôi tôm cho bà và yêu cầu trừ tiền chiết khấu, tuy nhiên đại diện nguyên đơn không đồng ý, yêu cầu tính lãi theo như đơn khởi kiện và không đồng ý trừ tiền chiết khấu nên ý kiến bà Trần Bạch Y không có cơ sở xem xét.

Theo hợp đồng mua bán hàng hoá giữa ông Trần Quang S là người đại diện Hộ kinh doanh T và ông Dương Chí T và bà Trần Bạch Y thì hai bên không thỏa thuận lãi nên nay ông Trần Quang S yêu cầu trả lãi đối với số tiền chậm trả thì lãi suất được tính theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, là 10%/năm. Nguyên đơn yêu cầu trả lãi với mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày bị đơn ngưng mua bán thức ăn nuôi tôm là ngày 01/3/2020 là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Lãi được tính từ ngày 01/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/6/2021 cụ thể như sau: 38.144.000 đồng x 10%/năm x 01 năm 03 tháng 23 ngày = 5.011.696 đồng.

Như vậy, bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và tiền lãi cho nguyên đơn với tổng số tiền là 43.155.696 đồng, trong đó nợ gốc là 38.144.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 5.011.696 đồng và ông Dương Chí T và bà Trần Bạch Y còn phải chịu lãi chậm trả cho đến khi trả hoàn tất nợ.

[5] Xét ý kiến của bị đơn bà Trần Bạch Y: bà Y trình bày hiện nay hoàn cảnh gia đình bà khó khăn không có khả năng trả nợ và yêu cầu trả dần nợ gốc mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng đại diện nguyên đơn không đồng ý. Vì vậy ý kiến trình bày của bà Y là không có cơ sở chấp nhận.

Ông Dương Chí T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 15/4/2021, bà Y thừa nhận bà và ông T

là vợ chồng cưới nhau năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Phú và việc mua thức ăn nuôi tôm phục vụ cho nhu cầu chi tiêu, sinh hoạt chung cho gia đình do vậy khoản nợ này là phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông T bà Y. Hơn nữa, ông T cũng là người trực tiếp nhận thức ăn nuôi tôm từ phía nguyên đơn giao, ký xác nhận vào sổ giao nhận hàng nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xác định ông Dương Chí T phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Trần Bạch Y thanh toán số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ và tiền lãi chậm trả cho phía nguyên đơn.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy, nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả tổng số tiền là 43.155.696 đồng, trong đó nợ gốc là 38.144.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày 01/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 5.011.696 đồng và lãi chậm trả cho đến khi trả hoàn tất nợ là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn, ông Trần Quang S được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Dương Chí T và bà Trần Bạch Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quang S là đại diện Hộ kinh doanh T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán.

[2] Buộc ông Dương Chí T và bà Trần Bạch Y phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Trần Quang S là người đại diện Hộ kinh doanh T tổng số tiền là 43.155.696 đồng (bốn mươi ba triệu một trăm năm mươi lăm nghìn sáu trăm chín mươi sáu đồng), (trong đó nợ gốc là 38.144.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 5.011.696 đồng).

[3] Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Trần Quang S là đại diện Hộ kinh doanh T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.056.000 đồng (một triệu không trăm năm mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009267 ngày 19/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn ông Dương Chí T và bà Trần Bạch Y phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.157.784 đồng (hai triệu một trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm tám mươi bốn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên,
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Trần Thị Mến